

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HUYỆN NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 21 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Mời chào giá mua sắm trang thiết bị y tế năm 2023

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
01	MÁY PHÁ RUNG	Máy	01		<p>YÊU CẦU CHUNG Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz</p> <p>CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none">- 01 Máy chính với màn hình và máy ghi, dây nguồn, bản sóc người lớn và trẻ em- 01 Cáp điện tim- 01 Dây điện tim 3 chuyên đạo- 01 Cuộn giấy ghi- 01 Pin sạc- 01 Gel bôi da đánh sóc- 01 Bản sóc dán dành cho tạo nhịp- 01 Adaptor cho bản sóc dán- 01 Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt <p>TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <p>Sốc điện</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểu đánh sóc: Bằng tay, đồng bộ, tự động (AED)- Pad sóc ngoài: $\leq 2J$ đến $\geq 270J$- Pad sóc trong: $\leq 2J$ đến $\geq 50J$		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<ul style="list-style-type: none"> - Pad sốc dán: $\leq 2J$ đến $\geq 270J$ - Từ chế độ chờ đến khi nạp 270J trong vòng ≤ 15 giây - Từ lúc mở máy đến khi nạp 270J trong vòng ≤ 23 giây 		
					<ul style="list-style-type: none"> - Hiển thị năng lượng nạp: hiển thị giá trị năng lượng nạp trên màn hình - Trạng thái nạp năng lượng: phát âm báo đã nạp năng lượng hoàn tất - Đèn báo tiếp xúc trên Pad sốc: cho biết trở kháng tiếp xúc bằng 3 màu LED <p>Màn hình monitor</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước màn hình: ≥ 6.5 inch, LCD, màu. - Hiển thị tham số : nhịp tim, SpO2 (%), nhịp mạch, EtCO2, nhịp thở <p>Điện tâm đồ ECG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> + Điện cực: ≥ 10 mm/mV +/- 5% (độ nhạy x1) + Paddle : ≥ 10 mm/mV +/- 15% (độ nhạy x1) - Tần số đáp ứng <ul style="list-style-type: none"> + Điện cực: ≤ 0.05 đến ≥ 150 Hz + Paddle: ≤ 0.5 đến ≥ 20 Hz - Thời gian hồi phục đường nền: ≤ 3 giây sau khi đánh sốc mức 270 J - Loại bỏ tạo nhịp: Có (on/off) <p>Tạo nhịp ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng sóng: hình thang - Độ rộng xung: ≥ 40 miligiây +/- 10% - Tốc độ tạo nhịp: ≤ 30 đến ≥ 180 ppm, mỗi bước 10 ppm - Độ chính xác tạo nhịp: +/- 10% 		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<ul style="list-style-type: none"> - Cường độ tạo nhịp: $\leq 0,8$ đến ≥ 200 mA, mỗi bước 1 mA - Độ chính xác cường độ: $\pm 10\%$ hoặc ± 2 mA - Điện trở tải tối đa: ≥ 350 ohm - Khoảng duy trì: ≥ 350 miligiây (≤ 30 đến ≥ 90 ppm), ≤ 240 miligiây (≤ 100 đến ≥ 180 ppm) <p>Máy ghi nhiệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ ghi: $\leq 25, \geq 50$ mm/s - Độ nhạy: ≥ 10 mm/mV $\pm 10\%$ <p>Pin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại pin: Ni-MH - Điện áp pin: 12.0 V (9.0 đến 18.0 V) - Dung lượng: ≥ 2800 mAh - Thời gian vận hành: với pin mới sạc đầy ở môi trường 20oC <ul style="list-style-type: none"> + Tối thiểu ≥ 100 lần đánh sóc ở 270J + Tối thiểu ≥ 180 phút theo dõi liên tục - Tối thiểu ≥ 120 phút tạo nhịp liên tục - Thời gian sạc pin: ≤ 3 giờ <p>Nguồn điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp làm việc: 100 - 240V, 50/60 Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường: $\leq -5^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 45^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tương đối: $\leq 15\%$ đến $\geq 95\%$ 		
02	MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG	Máy	01		<p>YÊU CẦU CHUNG</p> <p>Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA</p> <p>Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz</p>		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<p>CÁU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 bộ - Máy tính: 01 bộ - Máy in: 01 chiếc - Bộ lưu điện: 01 bộ - Bộ lọc nước: 01 bộ - Bộ hóa chất chạy thử ban đầu: 01 bộ (gồm Urea, ALT, Glucose, Creatinine mỗi loại ≥ 500 xét nghiệm) - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <p>Máy chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy xét nghiệm sinh hóa tự động hoàn toàn, truy nhập ngẫu nhiên với khả năng làm xét nghiệm cấp cứu. - Công suất: ≥ 400 xét nghiệm/giờ - Số lượng xét nghiệm cài được trên máy: ≥ 120 xét nghiệm - Số vị trí để mẫu thử: ≥ 100 vị trí - Có chương trình tự động pha loãng trước mẫu thử - Có khay cấp cứu riêng biệt được giữ lạnh, có ≥ 20 vị trí để mẫu. - Kim hút hóa chất và bệnh phẩm riêng biệt - Que khuấy trộn dung dịch phản ứng: ≥ 6 que khuấy - Cuvette được làm bằng thủy tinh vĩnh cửu, quang lộ: ≤ 5 mm - Hệ thống ủ cuvette: Ủ nước cách ly - Làm được đồng thời ≥ 60 loại xét nghiệm . - Có chức năng tự động rửa cuvette - Khả năng lưu trữ dữ liệu: ≥ 100.000 mẫu và theo dõi phản ứng ≥ 200.000 xét nghiệm 		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<ul style="list-style-type: none"> - Lượng nước cần để vận hành máy: ≤ 20 lít/giờ Máy tính - CPU: Core i5 hoặc tốt hơn - Ổ cứng: ≥ 450 GB - RAM: ≥ 4 GB - Màn hình: ≥ 19 inch - Chuột, bàn phím: 01 bộ Máy in - Khổ giấy in: A4 - Tốc độ: ≥ 12 trang/phút - Độ phân giải: ≥ 600 x 600 dpi Bộ lưu điện - Công suất: ≥ 6 kVA Bộ lọc nước - Công suất: ≥ 30 lít/giờ 		
03	MÁY MONITOR SẢN KHOA	Cái	01		<p>YÊU CẦU CHUNG</p> <p>Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz</p> <p>CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy chính - 01 Đầu dò theo dõi nhịp tim thai - 01 Đầu dò theo dõi cơn gò tử cung - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh <p>TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p>		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<p>Màn hình rộng 7 inch TFT màu LCD ≥ 3 thông số (FHR I, FHR II, UC) Lựa chọn giấy khác nhau Có thể sử dụng ≥ 2 loại giấy thông dụng sẵn có trên thị trường Lưu dữ liệu ra USB Dữ liệu của FHR và UC có thể được xuất ra USB và có thể được quản lý bằng phần mềm quản lý giám sát trung tâm. Bộ nhớ trong của Máy có thể được xuất sang bộ nhớ USB và có thể được quản lý bởi phần mềm Lưu dữ liệu ≥ 450 giờ Lưu dữ liệu ra USB Có dây; Không dây (Bluetooth) Thời gian sạc đầy khi máy không làm việc ≤ 14 giờ Kiểu Pin NiMH, thời gian sạc đầy khi máy hoạt động ≤ 14 giờ Đầu dò DOP/UC : IPX8 hoặc tương đương tốt hơn</p>		
04	MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC ≥ 22 thông số	Cái	01		<p>YÊU CẦU CHUNG Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz</p> <p>CẤU HÌNH - Máy chính: 01 bộ - Máy in: 01 bộ - Bộ lưu điện: 01 bộ - Hóa chất chạy thử ban đầu: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</p>		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<p>TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <p>Máy chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy phân tích huyết học phân tích tối thiểu bao gồm các thông số: + Các thông số tổng phân tích (CBC): WBC, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV, PLT, MPV + Các thông số thành phần bạch cầu: LY%, LY#, MO%, MO#, NE%, NE#, EO%, EO#, BA%, BA# + Thông số nghiên cứu: IMM%, IMM#, LHD, MAF, PCT, PDW - Thẻ tích mẫu xét nghiệm : ≤ 17 μL đối với máu toàn phần - Tốc độ xét nghiệm: ≥ 60 mẫu /giờ với ống mở và ≥ 55 mẫu/giờ với ống đóng - Có bộ nạp mẫu tự động, có khả năng nạp mẫu liên tục, số lượng ≥ 50 mẫu - Lưu trữ kết quả bệnh nhân trên máy ≥ 30.000 kết quả bao gồm đồ thị, cờ cảnh báo, mã và tin nhắn - Lưu trữ ≥ 12 file kết quả control, mỗi file chạy tối đa đến ≥ 150 lần - Cổng giao tiếp : RS 232, USB, Ethernet <p>Máy in</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ giấy : A4 - Tốc độ in : ≥ 12 trang/phút <p>Bộ lưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất : ≥ 1KVA 		
05	Máy phân tích đông máu tự động (Bán tự động)	Máy	01		<p>YÊU CẦU CHUNG</p> <p>Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau</p>		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz</p> <p>CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 bộ - Hóa chất chạy thử máy: 01 bộ - Bộ lưu điện: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy có thể đo được những mẫu bị đục màu do tăng lipid, tăng bilirubin máu, hay các loại thuốc thử đục màu - Các thông số được cài đặt sẵn: <ul style="list-style-type: none"> + PT + aPTT + Fibrinogen + TT + Yếu tố VII + Yếu tố VIII + Yếu tố IX + Yếu tố X Protein C + Protein S + LA + Calibrators + QC - Bộ phận quản lý mẫu và thuốc thử: <ul style="list-style-type: none"> + ≥ 16 giếng ủ ở nhiệt độ ≥ 37 độ C + Số kênh đo: ≥ 4 kênh đo + khay thuốc thử: có ≥ 02 vị trí thuốc thử ở nhiệt độ ≥ 37 độ C và ≥ 02 vị trí ở nhiệt độ phòng. + Có thể lưu trữ kết quả của ≥ 50 bệnh nhân và ≥ 120 		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					giá trị kiểm chuẩn cho từng thông số - Giao diện và kết nối: + Màn hình màu cảm ứng ≥ 7 inches + Tùy chọn máy đọc mã vạch bằng tay để định danh mẫu bệnh nhân và chọn nhanh xét nghiệm cần thực hiện. Bộ lưu điện Công suất : ≥ 1 KVA		
06	Máy phân tích điện giải (ion đồ)	Cái	01		YÊU CẦU CHUNG Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz CẤU HÌNH - Máy chính: 01 bộ - Bộ điện cực bao gồm Na, K, Cl, Ca, Ph, Ref: 01 bộ - Hóa chất chạy thử: 01 bộ - Bộ lưu điện: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT - Điện cực chọn lọc ion trực tiếp hoặc tương đương - Thông số đo được: ít nhất gồm Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ²⁺ , pH - Loại mẫu, tối thiểu gồm: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu - Lượng mẫu: ≤ 150 ml đối với máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu - Tốc độ: ≥ 60 mẫu/giờ - Hiệu chuẩn, tối thiểu gồm: tự động, 2 điểm mỗi 4 giờ hoặc do người sử dụng quyết định - Khả năng lưu trữ dữ liệu: ≥ 1.000 kết quả mỗi 24 giờ		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<ul style="list-style-type: none"> - Màn hình cảm ứng LCD ≥ 5 inch - Có tích hợp máy in nhiệt Bộ lưu điện Công suất : ≥ 1 KVA		
07	Máy phân tích nước tiểu ≥ 10 thông số	Cái	01		YÊU CẦU CHUNG Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz CẤU HÌNH <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 bộ - Khay que thử: 01 cái - Giấy in: 01 cuộn - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích đo: ≤ 4 đến ≥ 10 thông số - Tốc độ đo: ≥ 500 lần/ giờ ở chế độ đo liên tục, chu kỳ đo ≥ 7 lần/giây - Thời gian que ủ màu: ≤ 1 phút - Các chế độ đo: đơn lẻ và liên tục - Các chế độ đo: thông thường, khẩn cấp, kiểm định - Bộ nhớ: ≥ 2000 phép đo gần nhất 		
08	Máy quay ly tâm ≥ 32 ống, ≥ 4000 vòng/ phút	Cái	1		YÊU CẦU CHUNG Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<p>Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz</p> <p>CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy chính - Roto góc ≥ 8 vị trí: 01 cái - Tốc độ ly tâm ≥ 4000 vòng/phút - Adaptor: 08 cái - Insert cho máy ly tâm ống Falcon 15ml: ≥ 32 cái - Dây điện nguồn: 01 chiếc - Tuýp mỡ bôi trơn roto: 01 tuýp - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt <p>Công suất ly tâm tối đa $\geq 4 \times 100/6 \times 94$ml Có thể ly tâm nhiều loại mẫu khác nhau, ống nghiệm khác nhau, túi máu,...</p>		
09	Máy điều trị sóng siêu âm	Cái	1		<p>YÊU CẦU CHUNG</p> <p>Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau Đạt tiêu chuẩn: ISO, FDA Nguồn điện cung cấp: 220V - 240V, 50Hz</p> <p>CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy chính màn hình cảm ứng ≥ 7 inch tích hợp - 01 Đầu áp siêu âm ≥ 5 cm² - 01 Chai gel siêu âm ≥ 270ml - 01 USB hướng dẫn sử dụng - 01 Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt - 01 Xe đẩy máy bằng Inox <p>TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu cảm ứng ≥ 7 inch hiển thị màu sắc và thông số điều trị. - Kết nối smart bluetooth, dễ dàng copy thông tin điều 		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					trị giữa các máy - Có pin đi kèm và túi đựng máy. Sử dụng linh hoạt với xe đẩy, để bàn, treo tường hay điều trị tại nhà. - Đầu phát siêu âm đa tần: $\leq 1\text{MHz}$ và $\geq 3\text{MHz}$. - Công suất siêu âm: Chế độ phát sóng liên tục $\geq 2.0\text{ wat/cm}^2$, chế độ xung $\geq 3\text{ wat/cm}^2$ - Sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau. - Chuẩn an toàn điện: Class1, Type B (hoặc tương đương). - Nguồn cấp: 120 – 240VAC, 50-60Hz.		
10	Tấm nhận ảnh X-Quang KTS (phù hợp cho hệ thống máy X quang Quantum, Summit)	Cái	1		Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau CÁU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT - 01 Tấm nhận ảnh (Detector) loại cảm biến (kích thước: $\geq 17'' \times 17''$) - 01 Máy vi tính & phần mềm chuyên dụng xử lý ảnh X-Quang - 02 Pin cho tấm nhận ảnh - 01 Bộ sạc pin - 01 Màn hình LCD $\geq 23\text{ inch}$ - 01 Máy in phim X-quang khô y tế - 01 Phụ kiện kết nối - 01 Tài liệu Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt 1. Tấm nhận ảnh (Detector) loại cảm biến: - Cỡ nhận ảnh: $\geq 17'' \times 17''$ (43cm x 43cm) - Độ phân giải không gian $\geq 3.6\text{ lp/mm}$ - Ma trận điểm ảnh: $\geq 3072 \times 3072\text{ pixels}$ - Kích thước pixel: $\leq 139\mu\text{m}$ - Năng lượng tiêu thụ: $\leq 20\text{W}$		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<ul style="list-style-type: none"> - Năng lượng tia X: $\leq 40\text{kV}$ đến $\geq 150\text{kV}$ - Thời lượng pin: ≥ 8 giờ, thời gian sạc đầy: ≤ 2.5 giờ - Thời gian thu nhận hình ảnh (Không dây): Thời gian thu nhận: ≤ 03 giây - Thời gian thu nhận đã xử lý: ≤ 05 giây <p>2. Máy vi tính & phần mềm chuyên dụng xử lý ảnh X-Quang: 01 bộ</p> <p>Phần cứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ điều hành: Windows ≥ 10 64bit - Bộ xử lý: \geq Core i5 - Bộ nhớ RAM: $\geq 4\text{GB}$ - Đĩa cứng : $\geq 500\text{GB}$ <p>Phần mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình xem Chẩn đoán Từ xa FlyViewer: Ứng dụng FlyViewer có thể truy vấn hình ảnh từ máy chủ PACS và bắt đầu các hoạt động chẩn đoán từ xa. - Máy có thể được hỗ trợ bởi Bộ lưu điện (UPS) <p>3. Máy in phim X-quang khô y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ in laser - In phim được cho các thiết bị CT, MRI, CR/DR và các thiết bị chẩn đoán hình ảnh khác - In được nhiều cỡ phim: 35 x 43 cm (14" x 17"). 26 x 36 cm (10" x 14"). 25 x 30 cm (10" x 12"). 20 x 25 cm (8" x 10"). - Tốc độ in phim: <ul style="list-style-type: none"> • ≥ 160 phim/giờ: Phim 26x36cm (10" x 14"), 25x30cm (10" x 12"), 20x25cm (8" x 10"). • ≥ 110 phim/giờ: Phim 35x43cm (14" x 17"). - Tổng số phim có thể chứa cùng lúc trên máy: ≥ 03 khay: ≥ 450 phim cỡ (20x25cm, 25x30cm & 		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					26x36cm) - Số khay: ≥ 03 khay chứa phim - Độ phân giải: $\geq 50 \mu\text{m}/100 \mu\text{m}$ - Độ tương phản: ≥ 14 bits - Kết nối chuẩn DICOM - Bộ nhớ: ≥ 1 GB		
11	Dây nội soi dạ dày (phù hợp cho Hệ thống máy nội soi Pentax)	Cái	01		Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau CÁU HÌNH: - 01 kiềm sinh thiết - 02 Chổi rửa - 10 Ron cao su kênh thiết bị - 01 Adapter để làm sạch kênh hút KK/Nước - 01 Bộ kiểm tra valve - 01 Ron cao su cho van hút - 01 Adapter chải rửa đầu nối KK/Nước - 01 Van cân bằng áp suất - 01 Chai dầu Silicon - 01 Nắp đậy khi ngâm nước - 01 Hộp đựng thiết bị - Sách hướng dẫn sử dụng TÍNH NĂNG KỸ THUẬT - Dây soi thế hệ video có độ phân giải cao - Góc nhìn: $\geq 140^\circ$ - Khả năng uốn cong của đầu cuối ống soi: + Lên : $\geq 210^\circ$ + Xuống : $\geq 120^\circ$ + Trái/Phải: $\geq 120^\circ$ - Độ sâu trường nhìn: $\leq 5\text{mm}$ đến $\geq 100 \text{ mm}$		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tính năng kỹ thuật	Phân loại	Giá kê khai
					<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài làm việc: ≥ 1050 mm - Độ dài tổng : ≥ 1373 mm - Đường kính kênh sinh thiết: ≤ 2.8 mm - Chức năng chống xoắn dây tại đầu nối PVE với nguồn sáng xoay được: $\geq 180^\circ$ 		
12	Đầu dò âm đạo (cho máy siêu âm); phù hợp cho máy siêu âm màu GE Voluson P6	Cái	1		<p>Máy mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau</p> <p>CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT</p> <p>Tần số ≤ 3.8 đến ≥ 9.3 MHz.</p> <p>Độ sâu tối đa ≥ 16 cm.</p> <p>Góc quét tối đa ≥ 180 (B), 120 x 180 (Volume).</p> <p>Ứng dụng thăm khám sản khoa, phụ khoa, trực tràng.</p> <p>Có thể sử dụng với bộ sinh thiết.</p>		

- Thời gian tiếp nhận Bảng Chào giá của các Công ty: Từ 21/4/2023 đến 05/5/2023.
- Nơi tiếp nhận: Bệnh viện huyện Nhà Bè - Phòng Tài chính Kế toán.
- Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

LẬP BẢNG



DS.CKI. Lê Quốc Lân

GIÁM ĐỐC



BS.CKII. Nguyễn Hữu Thơ

